

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014

Hà Nội, tháng 8 năm 2015



MỤC LỤC

NỘI DUNG	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
• BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
• BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
• BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
• THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên:

Ông Nguyễn Cự Tầm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Bà Lê Tuyết Mai	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Cự Tầm	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Bích Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Cự Tầm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Số: 125/2015/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên
Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2015 từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ý kiến

- Trong Báo cáo kiểm toán số 133/2015/AP-BCKT ngày 07/7/2014 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, kiểm toán viên đã không đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty do ảnh hưởng của một số vấn đề liên quan đến cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến. Ngoài ra, một nghiệp vụ liên quan đến hạch toán kế toán không đúng quy định đã ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty; các vấn đề này chưa được khắc phục cùng một số vấn đề phát sinh trong năm đã ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty thể hiện:
 - Kiểm toán viên không xác nhận được trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ số dư tại ngày 31/12/2013 của các khoản mục: Tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản mục công nợ phải thu của khách hàng, phải trả cho người bán, trả trước cho người bán. Kết thúc năm 2014, Công ty chưa thực hiện đối chiếu được đầy đủ số dư các khoản công nợ nêu trên; Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết và thay thế khác để xác nhận được tính hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả tại ngày 31/12/2014 của Công ty.
 - Kiểm toán viên không đánh giá được nguyên nhân và tính hợp lý của khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long được theo dõi tại Công ty và tại công ty con cũng như việc Công ty không tiến hành hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.
 - Khoản lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình Nhà máy Nước Đông Anh lũy kể đến ngày 31/12/2013, khoản chi phí lãi vay này tiếp tục được vốn hóa vào giá trị công trình năm 2014 với số tiền 2.893.883.058 đồng không đúng với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Các khoản chi phí thuê đất, chi phí sử dụng các dịch vụ tiện ích và số tiền phải trả khác liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Ninh Hiệp được ký với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18.

- Việc trích khấu hao bổ sung chưa đủ căn cứ theo kết quả kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà máy Dệt kim Haprosimex trong các năm trước.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 06/10/2014 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội có công văn số 7677/UBND-KT gửi Sở Tài chính Hà Nội, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex về việc chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính Hà Nội, cho phép thực hiện tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành công ty Cổ phần theo quy định tại Thông tư 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ Tài chính. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với các Ngân hàng, chủ nợ, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp trình Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2014 của Công ty bị lỗ khoảng 281,61 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 31/12/2014 khoảng 493,78 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2014 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 571,99 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền 309,086 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào việc thực hiện đề án tái cơ cấu nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0034-2013-148-1

Bùi Quốc Trung

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1937-2013 -148-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.033.285.347	93.196.635.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.745.111.070	1.959.358.366
1. Tiền	111		6.745.111.070	1.959.358.366
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		992.612	992.612
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.327.425	3.327.425
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.334.813)	(2.334.813)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.066.857.761	58.711.297.246
1. Phải thu của khách hàng	131		29.553.597.143	38.940.563.476
2. Trả trước cho người bán	132		12.747.817.019	12.936.051.744
5. Các khoản phải thu khác	135		12.850.336.080	12.196.620.593
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(40.084.892.481)	(5.361.938.567)
IV. Hàng tồn kho	140	5	6.849.230.939	24.824.414.385
1. Hàng tồn kho	141		6.874.992.343	24.892.516.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.761.404)	(68.102.606)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.371.092.965	7.700.572.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.141.962.348	1.715.879.966
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.229.130.617	5.984.692.534
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.505.331.547	453.906.036.678
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		242.500.000	160.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		242.500.000	160.000.000
II. Tài sản cố định	220		257.937.667.684	272.043.194.674
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	188.320.716.475	205.436.389.523
- Nguyên giá	222		329.042.058.348	336.474.818.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.721.341.873)	(131.038.428.487)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6	69.616.951.209	66.606.805.151
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		37.277.712.854	37.901.649.711
1. Đầu tư vào công ty con	251	7	19.045.267.289	19.045.267.289
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8	17.941.803.165	18.565.740.022
3. Đầu tư dài hạn khác	258		290.642.400	290.642.400
VI. Tài sản dài hạn khác	270		16.047.451.009	143.801.192.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	16.047.451.009	143.801.192.293
TỔNG TÀI SẢN	280		351.538.616.894	547.102.671.787

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÁU B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		649.685.702.727	603.622.769.021
I. Nợ ngắn hạn	310		612.024.587.807	521.879.508.121
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	362.749.797.101	318.163.032.870
2. Phải trả cho người bán	312		19.332.436.256	24.439.337.881
3. Người mua trả tiền trước	313		2.919.429.403	2.791.070.127
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.873.102.358	4.008.720.843
5. Phải trả người lao động	315		11.559.764.415	5.788.921.846
6. Chi phí phải trả	316		10.524.793.442	9.356.548.028
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	200.729.115.603	157.031.493.672
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		336.149.229	300.382.854
II. Nợ dài hạn	330		37.661.114.920	81.743.260.900
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	13	22.045.659.364	67.319.030.900
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	14	15.595.455.556	14.404.230.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(309.086.761.429)	(67.223.594.364)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(309.086.761.429)	(67.223.594.364)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	177.489.629.214	177.489.629.214
4. Cổ phiếu quỹ	414	15	(159.000.000)	(159.000.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	15	-	(41.743.950.604)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	3.949.470.479	4.400.974.395
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	3.007.818.550	2.983.073.967
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	15	392.265.073	392.265.073
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	(493.781.229.786)	(210.600.871.450)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		14.285.041	14.285.041
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỞ	431		10.939.675.596	10.703.497.130
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		351.538.616.894	547.102.671.787

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Lê Hoàng Ân
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Cự Tâm
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014

Mẫu B 02 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		136.456.476.920	127.606.586.212
2. Các khoản giảm trừ	02		-	46.323.530
3. Doanh thu thuần	10	16	136.456.476.920	127.560.262.682
4. Giá vốn hàng bán	11	17	142.326.427.736	132.018.640.304
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.869.950.816)	(4.458.377.622)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	266.352.081	4.007.151.711
7. Chi phí tài chính	22	19	213.589.550.488	7.154.400.098
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		168.971.257.615	6.656.699.950
8. Chi phí bán hàng	24		3.972.149.248	4.898.930.692
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		54.384.268.432	22.798.565.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(277.549.566.903)	(35.303.122.237)
11. Thu nhập khác	31	20	2.460.303.332	3.555.962.530
12. Chi phí khác	32	21	5.906.274.219	1.221.383.713
13. Lợi nhuận khác	40		(3.445.970.887)	2.334.578.817
15. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		23.711.471	411.350.658
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(280.971.826.319)	(32.557.192.762)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61		640.303.420	641.516.109
19. Lợi nhuận sau thuế	70		(281.612.129.739)	(33.198.708.871)
20. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		804.767.750	791.370.720
21. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	72		(282.416.897.489)	(33.990.079.591)

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Lê Hoàng Ân
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng kế toán

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HAPROSIMEX
0. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Cư Tâm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(280.971.826.319)	(32.557.192.762)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.131.335.037	24.788.003.299
- Các khoản dự phòng	03	34.680.612.712	259.645.426
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.539.589.873	(24.057.424)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.402.008.810	(5.208.016.315)
- Chi phí lãi vay	06	168.971.257.615	6.656.699.950
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(49.247.022.272)	(6.084.917.826)
- Giảm/Tăng các khoản phải thu	09	5.250.965.106	(6.258.052.827)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	17.975.183.446	(2.192.133.057)
- Giảm/Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(83.076.569.170)	(25.526.237.675)
- Giảm chi phí trả trước	12	127.753.741.284	950.669.001
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.136.175.872)	(2.924.297.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(689.164.195)	(626.482.078)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(339.390.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(247.740.000)	(888.910.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.583.218.327	(43.889.751.771)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.963.272.257)	(7.294.849.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn	22	1.913.929.900	2.180.282.080,00
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	9.954.992.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	115.073.912	96.103.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.934.268.445)	4.936.528.027
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17.151.963.954
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42.299.821.620	45.272.952.779
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44.546.308.042)	(36.978.098.589)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(637.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.883.486.422)	25.446.818.144
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.765.463.460	(13.506.405.600)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.959.358.366	15.465.763.966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	20.289.244	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	6.745.111.070	1.959.358.366

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Lê Hoàng Ân
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Sỹ Tâm
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty") là công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo quyết định số 23/2006/QĐ-UB ngày 08/3/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trên cơ sở Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội cũ.

Theo Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội thành Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100101724 ngày 01/12/2010. Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 0100101724 ngày 19/08/2011.

Tên giao dịch quốc tế là HAPROSIMEX GROUP.

Công ty có địa chỉ tại số 22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- Công ty: Trụ sở chính tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, Nhà máy dệt kim Haprosimex tại Khu Công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.
- Các Công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần May Thanh Trì, Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm:

- a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính sau:
 - Tổ chức các cơ sở hàng dệt, may mặc, dệt len, lắp ráp xe gắn máy, chế biến nông lâm sản để xuất khẩu;
 - Xuất khẩu các mặt hàng: Thủ công mỹ nghệ, công nghiệp, hàng nông lâm sản, hải sản, lương thực, thực phẩm, khoáng sản, vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất, phân bón (trừ loại Nhà nước cấm);
 - Nhập khẩu phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, thiết bị vật liệu trang trí nội thất;
 - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
 - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
 - Dịch vụ cho thuê, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị, giao nhận vận chuyển hàng hóa, các dịch vụ đô thị khác...;
 - Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
 - Mua, bán, nhập khẩu máy điện thoại và thiết bị viễn thông;
 - Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa; dịch vụ thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ phục vụ khu vui chơi thể thao (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Tổ chức đào tạo, dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Pháp luật;
 - Hợp tác, liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm của Công ty và các sản phẩm liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- b) Đầu tư và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- c) Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH MTV Haprosimex được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty Cổ phần Máy Thanh Trì (Công ty con) và các công ty liên doanh, liên kết được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Bao bì và Hàng Xuất khẩu Hà Nội, Công ty Cổ phần Mỹ nghệ Xuất nhập khẩu Hà Nội và Công ty Cổ phần HAP Capital là số chưa được kiểm toán). Công ty chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long với số vốn đầu tư của Công ty là 19,045 tỷ đồng chiếm 71,87% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long.

Ngày 06/10/2014 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội có công văn số 7677/UBND-KT gửi Sở Tài chính Hà Nội, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính Hà Nội, cho phép thực hiện tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành công ty Cổ phần theo quy định tại Thông tư 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ tài chính. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với các Ngân hàng chủ nợ, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp trình Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2014 của Công ty bị lỗ khoảng 281,61 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 khoảng 493,78 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2014 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 571,99 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền 309,086 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào việc thực hiện đề án tái cơ cấu nêu trên. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.

Chế độ kế toán mới đã ban hành

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") – Hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất. Thông tư 202 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 trở đi thay thế cho phần XIII - Thông tư 161/2007/TT-BTC và các hướng dẫn kế toán khác có liên quan. Ban Giám đốc Công ty sẽ xem xét và đánh giá ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán để điều chỉnh việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Haprosimex được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty mẹ với công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn đã niêm yết và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế phát hành. Các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi trong thời gian ngắn hạn được phân loại là công cụ kinh doanh, các loại chứng khoán mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư khác được phân loại là tài sản sẵn có để bán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Thời điểm trích lập được xác định theo ngày khóa sổ kỳ kế toán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận khi hàng hóa đã giao, dịch vụ cung cấp đã hoàn thành, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể. Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi trong năm 2014 với số tiền là 34.722.953.914 đồng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Năm 2014, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được cuối năm để làm căn cứ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng tồn đọng, chậm luân chuyển.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là chi phí mua phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất tạm nộp cho Ban quản lý Khu Công nghiệp Ninh Hiệp để thực hiện xây dựng nhà máy dệt kim xuất khẩu, chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Tiền thuê đất khu Công nghiệp Ninh Hiệp được phân bổ vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất khi Nhà máy dệt kim Haprosimex xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp có thể thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng nông sản theo giá kỳ hạn được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm phát sinh và được điều chỉnh theo giá chính thức khi chốt giá tại thời điểm thỏa thuận theo hợp đồng bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua; đồng thời doanh nghiệp có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hoá, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được để số dư trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm theo các quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	927.497.017	513.154.646
Tiền gửi ngân hàng	5.817.614.053	1.446.203.720
Cộng	6.745.111.070	1.959.358.366

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	132.913.105	592.239.430
Công cụ, dụng cụ	859.997	664.417.058
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.227.171.624	19.197.877.199
Thành phẩm	480.167.176	815.701.464
Hàng hóa tồn kho	33.880.441	3.170.348.624
Hàng gửi đi bán	-	451.933.216
Cộng	6.874.992.343	24.892.516.991
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.761.404)	(68.102.606)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	6.849.230.939	24.824.414.385

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Anh	59.609.508.181	56.715.625.123
Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng tại 88 Láng Hạ	-	52.600.000
Chi phí xây dựng hạ tầng nhà máy cụm Công nghiệp Quất Động (*)	9.812.100.220	9.643.237.220
Khác	195.342.808	195.342.808
Cộng	69.616.951.209	66.606.805.151

(*): Bao gồm các chi phí liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới của Công ty Cổ phần May Thanh Trì để mở rộng sản xuất tại cụm công nghiệp Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Dự án được cấp Giấy phép xây dựng số 05/GPXD do UBND huyện Thường Tín cấp lần đầu ngày 13/02/2012, gia hạn lần 01 ngày 13/02/2013, thời gian gia hạn đến hết 13/02/2014. Hiện tại, do đã hết thời gian gia hạn giấy phép xây dựng mà chưa có công trình nào được khởi công nên Công ty đang tiến hành các thủ tục xin cấp phép xây dựng lại từ đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Các khoản đầu tư trực tiếp vào công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	71,87%	Dệt kim, gia công may xuất khẩu
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	51,00%	May gia công xuất khẩu

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, Công ty không thực hiện hợp nhất số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long do có sự chênh lệch ghi nhận giá trị khoản đầu tư tại Công ty mẹ và Công ty con. Do đó, giá trị đầu tư vào Công ty con trên Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn còn số dư tương ứng giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long là 19.045.267.289 đồng.

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Chi tiết đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP HAP CAPITAL	9.800.000.000	49,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Sản xuất XNK Thanh Hà	4.275.000.000	26,93%	TM & SXKD sản phẩm may
Công ty CP SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	30,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ XNK Hà Nội	630.000.000	30,00%	Xuất nhập khẩu
Công ty Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	33,96%	May gia công xuất khẩu
Cộng	<u>24.134.000.000</u>		
Điều chỉnh khoản đầu tư tương ứng với tài sản ròng trong Cty liên kết	6.192.196.835		
Giá trị thuần các khoản đầu tư	<u>17.941.803.165</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu B 09-DN/HN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	99.054.662.751	231.271.524.821	452.323.759	3.782.692.522	1.913.614.157	336.474.818.010
Tăng trong năm	9.623.596.720	1.560.470.791	164.541.300	-	-	11.348.608.811
Mua sắm mới	-	1.560.470.791	164.541.300	-	-	1.725.012.091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.623.596.720	-	-	-	-	9.623.596.720
Giảm trong năm	6.769.076.910	9.989.991.807	108.685.599	-	1.913.614.157	18.781.368.473
Thanh lý, nhượng bán	-	8.642.461.292	108.685.599	-	30.013.200	8.781.160.091
Giảm khác	6.769.076.910	1.347.530.515	-	-	1.883.600.957	10.000.208.382
Tại ngày 31/12/2014	101.909.182.561	222.842.003.805	508.179.460	3.782.692.522	-	329.042.058.348
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	27.810.434.206	98.291.937.528	427.970.868	2.594.471.728	1.913.614.157	131.038.428.487
Tăng trong năm	4.382.627.535	19.504.367.020	17.514.517	226.825.965	-	24.131.335.037
Khấu hao trong năm	4.382.627.535	19.504.367.020	17.514.517	226.825.965	-	24.131.335.037
Giảm trong năm	6.423.063.201	6.003.058.694	108.685.599	-	1.913.614.157	14.448.421.651
Thanh lý, nhượng bán	-	4.655.528.179	108.685.599	-	30.013.200	4.794.226.978
Giảm khác	6.423.063.201	1.347.530.515	-	-	1.883.600.957	9.654.194.673
Tại ngày 31/12/2014	25.769.998.540	111.793.245.854	336.799.786	2.821.297.693	-	140.721.341.873
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	71.244.228.545	132.979.587.293	24.352.891	1.188.220.794	-	205.436.389.523
Tại ngày 31/12/2014	76.139.184.021	111.048.757.951	171.379.674	961.394.829	-	188.320.716.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lãi vay	-	125.962.409.504
Tiền thuê đất khu Ninh Hiệp	13.011.597.523	15.102.341.265
Chi phí thuê địa điểm sản xuất tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi	771.590.907	-
Công cụ dụng cụ	2.238.845.606	209.746.851
Khác	25.416.973	2.526.694.673
Cộng	16.047.451.009	143.801.192.293

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	106.825.784.208	116.532.606.025
Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)	10.692.833.918	10.547.761.551
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (3)	39.312.771.112	39.203.282.071
Công ty Dệt kim Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Cán bộ công nhân viên trong Công ty (4)	8.988.000.000	10.295.300.000
Vay cá nhân	2.545.000.000	2.180.000.000
Cộng	176.364.389.238	186.758.949.647
Nợ dài hạn đến hạn trả	186.385.407.863	131.404.083.223
Cộng	362.749.797.101	318.163.032.870

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:
 - Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần May Thanh Trì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/14HM/NHNT.HN-MTT ngày 29/05/2014. Với số dư tiền vay tại 31/12/2014 là 1.455.000.000 đồng. Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay cố định áp dụng cho từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các loại máy móc thiết bị với tổng giá trị 8.367.108.516 đồng.
 - Khoản vay ngắn hạn của Văn phòng Công ty mẹ Haprosimex từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với mục đích bổ sung vốn lưu động. Số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 97.282.841.060 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay từ 13,5% đến 14%/năm; Số tiền vay bằng ngoại tệ là 529.026,58 USD tương đương 11.307.943.148 đồng với lãi suất 6%/năm. Tổng số tiền vay của Văn phòng Công ty mẹ Haprosimex là 105.370.784.208 đồng. Hiện tại toàn bộ số dư khoản vay đã bị quá hạn do đó lãi suất cho vay được tính bằng 120% lãi suất vay trong hạn. Theo thông báo số 1279/TB-HAN-KH ngày 19/12/2014 về việc chuyển quyền chủ nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, kể từ ngày 8/12/2014 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ của Công ty TNHH MTV Haprosimex và quyền đối với tài sản đảm bảo cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam bao gồm các khoản nợ gốc ngắn hạn, dài hạn và các khoản nợ lãi chưa được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. Khoản vay ngắn hạn của Văn phòng Công ty mẹ Haprosimex từ Ngân hàng TMCP Quân Đội, số tiền cho vay bằng ngoại tệ là 500.249,54 USD tương đương 10.692.833.918 đồng, lãi suất vay là 11,4%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hiện tại toàn bộ số dư khoản vay đã bị quá hạn, lãi suất khoản vay do quá hạn vẫn là lãi suất ban đầu.
3. Khoản vay ngắn hạn của Văn phòng Công ty mẹ Haprosimex từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội), số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 31.242.695.564 đồng, lãi suất bình quân là 15,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng, khoản vay bằng USD là 377.547,38 USD lãi suất vay 7,5%/năm; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Hiện tại toàn bộ số dư khoản vay đã bị quá hạn, lãi suất quá hạn không thay đổi so với lãi suất trong hạn. Theo thông báo số 732/CV- SHB ngày 27/3/2015 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội về việc chuyển quyền chủ nợ; kể từ ngày 27/3/2015 Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ của Công ty TNHH MTV Haprosimex cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam bao gồm các khoản nợ gốc và các khoản nợ lãi chưa được thanh toán.
4. Khoản vay cán bộ công nhân viên kỳ hạn từ 3 đến 13 tháng, lãi suất từ 1,5% đến 2%/tháng.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.148.696	-
Kinh phí công đoàn	279.508.142	162.106.445
Bảo hiểm xã hội	6.545.526.289	4.537.320.525
Bảo hiểm thất nghiệp	236.682.733	278.758.612
Lãi vay phải trả	184.730.922.105	145.099.259.877
- Lãi vay Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	3.488.000.000	2.672.000.000
- Lãi vay Ngân hàng HMCP Ngoại thương Việt Nam	123.367.248.915	95.000.623.358
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	13.213.419.245	11.863.417.833
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	33.778.540.987	25.436.275.001
- Lãi vay sử dụng cho dự án Nhà máy nước Đông Anh	10.883.712.958	9.933.829.900
- Lãi vay cá nhân	-	193.113.785
Bộ Quốc Phòng	2.995.065.000	2.954.430.200
Phải trả khác	5.939.262.638	3.999.618.013
Cộng	200.729.115.603	157.031.493.672

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngân hàng	22.045.659.364	67.319.030.900
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (*)	22.045.659.364	67.319.030.900
Cộng	22.045.659.364	67.319.030.900

(*): Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng:

Khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex:

- Hợp đồng tín dụng số 01-2004/HDTD/VCB/HAPROSIMEX ngày 21/7/2004, tổng số tiền cho vay bằng USD là 12.445.242,08 USD, thời hạn vay 89 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Ninh Hiệp, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án Xí nghiệp dệt kim, các quyền lợi phát sinh từ tài sản hình thành từ vốn vay và trụ sở làm việc tại 22 Hàng Lược, mục đích sử dụng tiền vay là để

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

thực hiện dự án Đầu tư “Xí nghiệp Dệt kim”. Số dư tại ngày 31/12/2014 là 8.480.000 USD tương ứng với 178.800.800.000 đồng, trong đó số đến hạn trả là 7.830.000 USD tương ứng với 167.366.250.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/08/DH/NHNTHN ngày 29/09/2008, tổng số tiền cho vay bằng VND là 19.970.346.743 VND, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ dự án di dời, đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất xí nghiệp Mũ xuất khẩu; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí thiết kế, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà, xưởng và chi phí mua máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý của dự án. Số dư tại ngày 31/12/2014 là 16.729.346.743 đồng, trong đó số đến hạn trả là 16.729.346.743 đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 12- Vay và nợ ngắn hạn, theo thông báo số 1279/TB-HAN-KH ngày 19/12/2014 về việc chuyển quyền chủ nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, kể từ ngày 8/12/2014 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ của Công ty TNHH MTV Haprosimex và quyền đối với tài sản đảm bảo cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam bao gồm các khoản nợ gốc ngắn hạn, dài hạn và các khoản nợ lãi chưa được thanh toán.

Khoản vay của Công ty Cổ phần May Thanh Trì:

- Hợp đồng tín dụng số 01/13DA/NHNT.HN-MTT ngày 03/01/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/09/2013, số tiền vay là 45.340 USD để đầu tư máy trải vải và máy xả vải. Thời hạn vay là 03 năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ. Khoản vay theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có trị giá tài sản đảm bảo là 52.202 USD theo Hợp đồng thế chấp số 01/13TC/VCBHN-MTT.
- Hợp đồng tín dụng số 02/13DA/NHNT.HN-MTT ngày 07/01/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23/09/2013, số tiền vay là 74.631 USD để đầu tư máy móc thiết bị thuộc dây chuyền dệt kim. Thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ. Khoản vay theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có trị giá tài sản đảm bảo là 86.080 USD theo Hợp đồng thế chấp số 02/13TC/VCBHN-MTT ngày 07/01/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 03/13DA/NHNT.HN-MTT ngày 10/01/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/09/2013, số tiền vay là 79.738 USD để đầu tư máy móc thiết bị thuộc dây chuyền Jacket. Thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ. Khoản vay theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có trị giá tài sản đảm bảo là 91.970 USD theo Hợp đồng thế chấp số 03/13TC/VCBHN-MTT ngày 10/01/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 04/13DA/NHNT.HN-MTT ngày 30/10/2013, số tiền vay là 43.432 USD để đầu tư máy trải tự động và máy ép keo. Thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ. Khoản vay theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có trị giá tài sản đảm bảo là 50.002 USD theo Hợp đồng thế chấp số 04/13TC/VCBHN-MTT ngày 31/12/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 01/14DA/NHNT.HN-MTT ngày 13/06/2014, số tiền vay là 6.094.897.000 đồng để đầu tư cải tạo, nâng cấp khu sản xuất và điều hành tại khu CN Ngọc Hồi của Công ty Cổ phần May Thanh Trì. Thời hạn vay là 05 năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ. Khoản vay theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng quyền sử dụng cơ sở hạ tầng tại cụm công nghiệp Quất Động, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty cổ phần May Thanh Trì có giá trị là 9.350.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/14TC/VCBHN-MTT tháng 06/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lịch trả nợ của công ty chi tiết như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	186.385.407.863	131.404.083.223
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	22.045.659.364	67.319.030.900
Cộng	208.431.067.227	198.723.114.123
Nợ dài hạn đến hạn trả	186.385.407.863	131.404.083.223
Vay dài hạn	22.045.659.364	67.319.030.900

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hãng thời trang NEM thuê mặt bằng (1)	11.229.900.000	11.604.230.000
Công ty TNHH Vạn Lợi thuê mặt bằng	200.000.000	-
Bà Phạm Thu Hà thuê mặt bằng	43.333.334	-
Ngân hàng Vietcombank thuê mặt bằng (2)	2.200.000.000	2.800.000.000
Cho thuê kho tại nhà máy Dệt Kim	1.922.222.222	-
Cộng	15.595.455.556	14.404.230.000

- (1) Khoản tiền thu từ việc cho Công ty Cổ phần thời trang NEM thuê một phần văn phòng số 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 34 năm kể từ khi bàn giao địa điểm cho thuê với tổng giá trị hợp đồng là 12.727.272.727 đồng. Số dư tại thời điểm 31/12/2014 là 11.229.900.000 đồng.
- (2) Khoản tiền thu từ việc cho Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thuê 46,7m² thuộc một phần tầng 1 nhà 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 5 năm kể từ ngày 1/9/2013 đến 31/8/2018 với tổng giá trị hợp đồng là 3 tỷ đồng. Số dư tại thời điểm 31/12/2014 là 2,2 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2014	177.489.629.214	(159.000.000)	(41.743.950.604)	4.400.974.395	2.983.073.967	392.265.073	(210.600.871.450)
Tăng trong năm	-	-	41.743.950.604	209.056.375	24.744.583	-	-
Trích quỹ	-	-	-	209.056.375	104.528.187	-	-
Tăng khác	-	-	363.170.561	-	(79.783.604)	-	-
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	-	41.380.780.043	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	660.560.291	-	-	283.180.358.336
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	522.640.937
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	1.379.000.000
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	280.795.775.410
Giảm khác	-	-	-	660.560.291	-	-	482.941.989
Tại ngày 31/12/2014	177.489.629.214	(159.000.000)	-	3.949.470.479	3.007.818.550	392.265.073	(493.781.229.786)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu về bán hàng hóa, dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.456.476.920	127.606.586.212
Các khoản giảm trừ	-	46.323.530
Doanh thu thuần	136.456.476.920	127.560.262.682

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	142.326.427.736	132.018.640.304
Cộng	142.326.427.736	132.018.640.304

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.675.598	35.468.346
Cổ tức được chia	-	60.634.965
Chênh lệch tỷ giá	248.676.483	207.656.400
Khác	-	3.703.392.000
Cộng	266.352.081	4.007.151.711

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	168.971.257.615	6.656.699.950
Chênh lệch tỷ giá	44.618.292.873	298.816.513
Khác	-	198.883.635
Cộng	213.589.550.488	7.154.400.098

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	2.336.147.536	2.180.282.080
Thanh thanh lý hàng hóa	-	933.075.606
Khác	124.155.796	442.604.844
Cộng	2.460.303.332	3.555.962.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	3.991.161.765	639.241.076
Chi bồi thường, bị phạt	1.099.810.101	383.031.044
Khác	815.302.353	199.111.593
Cộng	5.906.274.219	1.221.383.713

22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Lê Hoàng Ân
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Trưởng phòng kế toán

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HAPROSIMEX
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI
Nguyễn Cự Tâm
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 6175... Quyền số: 01... SCT/BS

Ngày: 18-10-2016



PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Hồng Nhung